

Bản án số: 412 /2020/HNGĐ- ST

Ngày 29 – 9 - 2020

V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Đăng Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 170/2020/TLST- HNGĐ ngày 12/5/2020 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXX-ST ngày 27/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐ-HNGĐ ngày 12/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Viết U**, sinh năm 1988; HKTT và nơi cư trú: Xóm M, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.(Có mặt)

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992; HKTT: Xóm M, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Xóm Tr, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - anh Nguyễn Viết U trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 22/12/2009. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc được 2 – 3 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ ngày 10/9/2013, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm B , thôn T1, xã T, huyện Chương Mỹ, sau đó gia đình cô T và bố mẹ đẻ lại chuyển về Xóm Tr, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội sinh sống. Tôi và chị T ly thân từ năm 2013 đến nay.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị T.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 08/4/2010. Hiện nay cháu đang ở với tôi. Sau khi ly hôn tôi đề nghị được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị T đã được giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu:
Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Anh U được ly hôn chị T. Con chung: Giao 01 con chung cho anh U nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản, công sức, công nợ: không có.

Anh Nguyễn Viết U phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Viết U có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Chị T đang sinh sống tại Xóm Tr, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn – chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Viết U và chị Nguyễn Thị T thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 22/12/2009 là hợp pháp. Quá trình anh U và chị T

phát sinh mâu thuẫn. Theo anh U nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra nhiều, bất đồng quan điểm sống. Anh U và chị T ly thân từ năm 2013. Chị T đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến. Tại phiên tòa, anh U vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị T.

Xét thấy, tình cảm giữa anh U và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh U với chị T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh U và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 08/4/2010. Anh U có nguyện vọng xin nuôi con chung. Xét thấy, cháu N hiện đang ở với anh U và cháu có nguyện vọng tiếp tục được ở với bố, chị T không trình bày ý kiến về việc nuôi con. Do đó, giao cho anh U được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh U không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Anh U và chị T không có; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Anh U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Viết U được ly hôn chị Nguyễn Thị T

2. Về con chung: Anh U và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 08/4/2010.

Giao cho anh Nguyễn Viết U được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 08/4/2010, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Viết U không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Viết U phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004754 ngày 12/5/2020.

Anh Nguyễn Viết U có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

Vương Đăng Khoa